

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 365/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 8 - 2024

V/v Tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Anh Chiến

Ông Nguyễn Văn Vẹn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Sỹ Đăng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 247/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 140/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1998 (xin vắng);

Địa chỉ: ấp L, xã Đ, thành phố M, tỉnh T.

Bị đơn: Anh Đỗ Công Đ, sinh năm 1994 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 24/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày:**

Về hôn nhân: Chị N và anh Đ và là vợ chồng, cưới nhau năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố M, tỉnh T vào ngày 20/6/2017. Sau khi cưới chị và anh Đ sống chung với gia đình anh Đ tại ấp B, xã P, huyện C, tỉnh T. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh Đ không lo kinh tế gia đình, không quan tâm vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi vã nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Chị N và anh Đ đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến thời điểm hiện tại,

hiện cuộc sống tự ai nấy lo, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị N yêu cầu được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Có 02 con chung là Đỗ Ngọc Hồng A, sinh ngày 07/8/2018 và Đỗ Ngọc Hồng Y, sinh ngày 18/10/2019. Chị N yêu cầu được nuôi cả hai con, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi mỗi đứa con là 2.000.000đồng/tháng, tổng cộng hai con là 4.000.000đồng/tháng cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi, lao động được.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 03/7/2024 chị N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể về mức cấp dưỡng nuôi con: Chị N chỉ yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng/2 con (tức là mỗi đứa con 1.000.000đồng/tháng) cho đến khi cháu A, cháu Y đủ 18 tuổi, lao động được, giữ nguyên đối với các yêu cầu còn lại.

Bị đơn anh Đỗ Công Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Đ vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị N.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hồng N về việc yêu cầu ly hôn, về yêu cầu nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án; Sự có mặt, vắng mặt đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng N thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “Ly hôn” được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Đỗ Công Đ có nơi cư trú tại ấp B, xã P, huyện C, tỉnh T nên căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo;

[1.2] Sự có mặt, vắng mặt đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Đỗ Công Đ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N và anh Đ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày, các chứng cứ do đương sự cung cấp thì giữa chị N và anh Đ và là vợ chồng, cưới nhau năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố M, tỉnh T vào ngày 20/6/2017. Sau khi cưới chị và anh Đ sống chung với gia đình anh Đ tại ấp B, xã P, huyện C, tỉnh T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh Đ không lo kinh tế gia đình, không quan tâm vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi vã nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Chị N và anh Đ đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến thời điểm hiện tại, hiện cuộc sống tự ai nấy lo, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị N yêu cầu được ly hôn anh Đ.

Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 26/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang về tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh Đ nhưng không xác định được tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh Đ vì anh, chị không có yêu cầu hòa giải tại cơ sở.

Anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, cho thấy anh Đ không có thành ý hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh Đ không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[2.2] Về con chung: Căn cứ lời trình bày của đương sự thì giữa chị N và anh Đ có 02 con chung là Đỗ Ngọc Hồng A, sinh ngày 07/8/2018 và Đỗ Ngọc Hồng Y, sinh ngày 18/10/2019. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị N là có cơ sở, bởi lẽ cháu A và cháu Y đã sống với chị N từ khi chị N và anh Đ sống ly thân (năm 2021) cho đến thời điểm hiện tại, cuộc sống của các con đã ổn định về chỗ ở, về điều kiện sinh hoạt. Phía anh Đ không có văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung và vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu Ân và cháu Yến cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con:

Về việc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện, chị N yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000đồng/2 con (tức là mỗi đứa con 2.000.000đồng/tháng), nay chỉ yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng/2 con (tức là mỗi đứa con 1.000.000đồng/tháng) cho đến khi cháu A, cháu Y đủ 18 tuổi, lao động được. Xét việc xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của chị N là tự nguyện, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Chị N yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng/2 con (tức là mỗi đứa con 1.000.000đồng/tháng) cho đến khi cháu Ân, cháu Yến đủ 18 tuổi, lao động được. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 83 và khoản 1 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình quy định thì anh Đ là người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của anh Đ và nhu cầu thiết

yếu của cháu A và cháu Y. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con của chị N, buộc anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 1.000.000đồng và cháu Y mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi cháu A, cháu Y đủ 18 tuổi, lao động được. Thời gian cấp dưỡng nuôi con khi án có hiệu lực pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: Chị N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật; Anh Đỗ Công Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 55, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ các điều 28, 35, 147, Điều 220, 227, 228, 233, 235, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng N.

1.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với anh Đỗ Công Đ.

1.2. Về con chung: Giao con chung là Đỗ Ngọc Hồng A, sinh ngày 07/8/2018 và Đỗ Ngọc Hồng Y, sinh ngày 18/10/2019 cho chị Nguyễn Thị Hồng N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Đỗ Công Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Đỗ Công Đ cấp dưỡng nuôi cháu Đỗ Ngọc Hồng A mỗi tháng 1.000.000đồng (Một triệu đồng) và cháu Đỗ Ngọc Hồng Y mỗi tháng 1.000.000đồng (Một triệu đồng), cho đến khi cháu A, cháu Y đủ 18 tuổi, lao động được. Thời gian cấp dưỡng nuôi con khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Hồng N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Đỗ Công Đ chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng còn phải trả lãi

theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

1.3. Về tài sản chung: Không có.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007592 ngày 24/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, nên xem như chị N đã nộp xong án phí.

Anh Đỗ Công Đ phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã Đạo Thạnh, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA